

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày 11 - 04 - 2023
“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Chí Linh

Ông Nguyễn Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Minh Ch, sinh năm 1978. (có mặt)

Địa chỉ cư trú tại: Ấp 6, xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn Ch, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1963. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 5, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Ông Ch nguyên đơn trình bày: Từ chỗ làm ăn quen biết nhau với ông Võ Văn Ch, biết được ông V Ch có phần đất gần UBND xã T, do ông muốn mua để cất nhà cho gia đình ở nên khi gặp khó khăn ông V Ch đến hỏi mượn tiền và hứa bán phần đất cho ông nên ông đồng ý cho ông V Ch mượn tiền nhiều lần từ năm 2020. Quá trình ông V Ch có mượn có trả, tính đến ngày 07/02/2022 chốt nợ ông V Ch viết biên nhận với số tiền 580.000.000đ và cam kết lập thủ tục bán đất cho ông.

Sau đó, ông có đến nhà đòi nhiều lần có bà Lê Thị T là vợ của ông V Ch biết được việc mượn nợ của ông V Ch nên bà T đồng ý kêu bán đất cho ông để trừ

nợ nhưng đến nay ông V Ch, bà T không thực hiện.

Nay ông Ch yêu cầu ông V Ch, bà T cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông với số tiền 580.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Ông Võ Văn Ch là bị đơn trình tại biên bản hòa giải ngày 15/12/2022: Ông thừa nhận có viết biên nhận và ký nhận nợ với ông Ch vào ngày 07/02/2022 với số tiền 580.000.000đ. Nhưng ông V Ch cho rằng không phải mượn nợ 01 lần mà do nhiều lần nợ do việc ghi sổ và tiền lãi từ năm 2020 cho đến khi viết biên nhận chốt lại nợ số tiền 580.000.000đ. Ông V Ch xác định chỉ một mình ông nợ ông Ch, còn bà T là vợ của ông không biết và không liên quan đến khoản tiền này. Ông V Ch cho rằng đầu năm 2020, ông có đánh số đề với ông Ch thiếu 150.000.000đ, mỗi tháng tiền lãi là 30.000.000đ tính cho đến ngày 07/02/2022 tổng cộng chốt nợ và ông viết biên nhận nợ số tiền là 580.000.000đ, chứ không phải mượn tiền nhiều lần số tiền nợ lên đến 580.000.000đ.

Do đó, ông Ch yêu cầu cả hai vợ chồng có nghĩa vụ thanh toán là không hợp lý, ông nợ thì ông đồng ý trả theo yêu cầu của ông Ch, còn bà T không liên quan đến khoản nợ trên, ông không mang tiền về cho bà T biết và không chi xài trong gia đình.

Đối với thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải của Tòa án thì ông và bà T có nhận được, nhưng do công việc nhà bà T không đến tham gia việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án. Bà T sẽ có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trong thời gian 15 ngày, hết thời hạn trên xem như bà T không có ý kiến.

Đối với bà Lê Thị T là người liên quan: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo quy định kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa. Mặc dù bà T nhiều lần nhận trực tiếp văn bản tố tụng của Tòa án tại nhà, nhưng bà T vắng mặt không có lý do và không có gửi ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bằng văn bản cho Tòa án.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn là ông Trương Minh Ch và bị đơn là ông Võ Văn Ch thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Ông V Ch là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp 5, xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng ông V Ch, bà T vắng mặt đến lần thứ 2 không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Ch với ông V Ch được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Khi giao kết hợp đồng vay tài sản giữa ông Ch và ông V Ch không xác lập hợp đồng vay bằng văn bản, nhưng thể hiện bằng biên nhận nhận tiền, ông V Ch thừa nhận tại biên nhận nhận nợ là chữ ký tên của ông, có ghi nhận thời gian và số tiền nợ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét biên nhận nợ trên để làm căn cứ xác định số tiền vay và trách nhiệm thanh toán.

[3.1] Việc Chuyển trình bày, do biết được ông V Ch có phần đất gần UBND xã Tân Lộc Bắc, muốn mua để cất nhà cho gia đình ở nên ông V Ch đến hỏi mượn tiền và hứa bán phần đất cho ông nên ông đồng ý cho ông V Ch mượn tiền nhiều lần từ năm 2020. Quá trình ông V Ch có mượn có trả, tính đến ngày 07/02/2022 chốt nợ ông V Ch viết biên nhận với số tiền 580.000.000đ và cam kết lập thủ tục bán đất cho ông. Sau đó, ông có đến nhà đòi nhiều lần có bà Lê Thị T là vợ của ông V Ch biết được việc mượn nợ của ông V Ch nên bà T đồng ý kêu bán đất cho ông để trừ nợ nhưng đến nay ông V Ch, bà T không thực hiện. Do đó, ông Ch yêu cầu ông V Ch, bà T cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông với số tiền 580.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

[3.2] Ông V Ch cho rằng đầu năm 2020, ông có đánh số đề với ông Ch thiếu 150.000.000đ, mỗi tháng tiền lãi là 30.000.000đ, tính cho đến ngày 07/02/2022 chốt nợ và ông viết biên nhận nợ số tiền là 580.000.000đ, chứ không phải mượn tiền nhiều lần số tiền nợ lên đến 580.000.000đ. Tuy nhiên, ngoài việc trình bày của ông V Ch ra, không có tài liệu nào thể hiện giữa ông Ch và ông V Ch có mua bán số đề với nhau. Mặc khác, theo trình bày của ông V Ch chỉ nợ gốc 150.000.000đ và lãi từ đầu năm 2020 mỗi tháng là 30.000.000đ đến ngày biết biên nhận ngày 07/02/2022 số tiền vốn 150.000.000đ và lãi 430.000.000đ bằng 580.000.000đ là chưa hợp lý. Trong khi tiền lãi $24 \text{ tháng} \times 30.000.000\text{đ} = 720.000.000\text{đ}$. Do đó, ông Ch yêu cầu ông V Ch thanh toán số tiền mượn nợ là 580.000.000đ theo biên nhận nợ có chữ ký của ông V Ch thừa nhận là hợp lý nên được chấp nhận.

[3.3] Đối với việc ông Ch yêu cầu ông V Ch, bà T cùng có trách nhiệm thanh toán số tiền mượn là 580.000.000đ theo biên nhận nợ là chưa phù hợp. Theo biên nhận nợ chỉ có chữ ký của ông V Ch, không có chữ ký của bà T. Ông V Ch xác định không mang tiền mượn của ông Ch về cho bà T biết và không chi xài trong gia đình. Đối với bà Lê Thị T, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần nhưng bà T vắng mặt, không có ý kiến bằng văn bản cho Tòa án việc ông Ch khởi kiện yêu cầu ông V Ch, bà T cùng có trách nhiệm trả nợ số tiền theo biên nhận là 580.000.000đ. Tuy nhiên, tại biên bản tổng đạt giấy triệu tập bà T ghi “tôi không biết gì hết” và ký xác nhận vào ngày 21/02/2023.

Như vậy, ngoài biên nhận nợ của ông V Ch ký nhận vào ngày 07/02/2022 ra không có tài liệu nào chứng minh bà T biết việc ông V Ch mượn nợ ông Ch và không tài liệu nào chứng minh số tiền nợ trên ông V Ch mang về chi xài trong gia đình. Do đó, không có đủ cơ sở chứng minh vợ chồng ông V Ch, bà T cùng mượn nợ ông Ch nên không thể buộc bà T cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông Ch, mặc dù còn trong thời kỳ hôn nhân.

[4] Từ nhận định trên, xét thấy yêu cầu của ông Ch đối với ông V Ch là có cơ sở chấp nhận nên cần buộc ông V Ch có trách nhiệm trả nợ cho ông Ch với số tiền 580.000.000đ là phù hợp với biên nhận nợ mà ông V Ch ký nhận vào ngày 07/02/2022.

[5] Do yêu cầu của ông Ch được chấp nhận nên ông V Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Minh Ch đối với ông Võ Văn Ch.

Buộc ông Võ Văn Ch có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trương Minh Ch số tiền là 580.000.000đ (Năm trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Ch có đơn yêu cầu thi hành án, ông V Ch có nghĩa vụ thi hành xong khoản tiền nêu trên. Trường hợp chậm thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Võ Văn Ch phải nộp án phí số tiền 27.200.000đ (chưa nộp).

Ông Ch không phải nộp án phí sơ thẩm. Vào ngày 14/10/2022, ông Ch đã dự nộp số tiền 13.600.000đ tại lai số 0003029 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Ch có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông V Ch, bà T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA dân sự huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Diệp Chí Nguyễn